



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN NGÀY

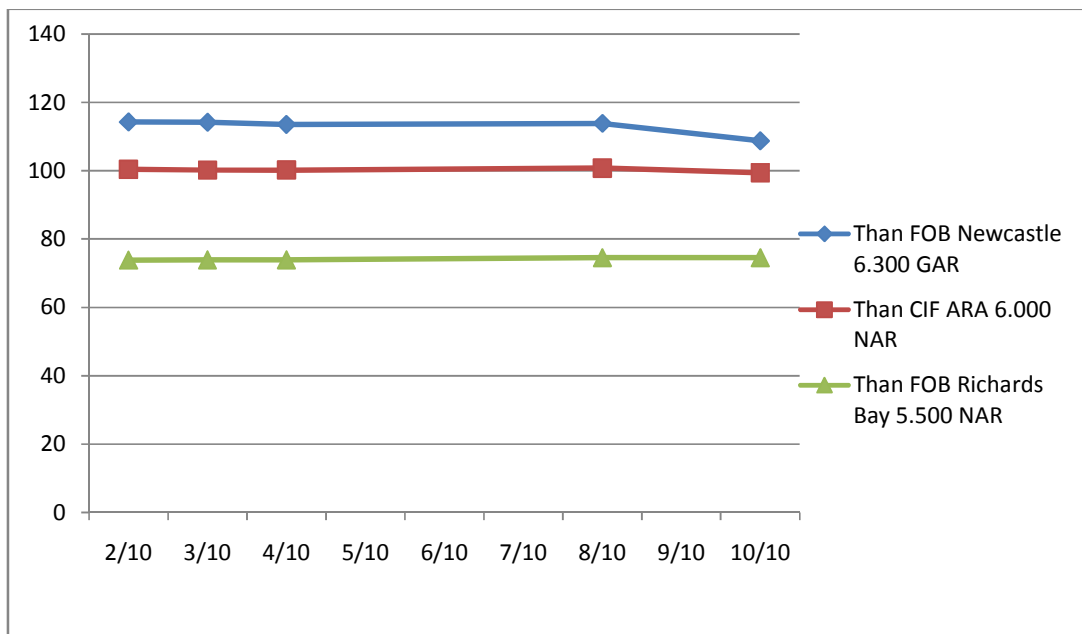
Ngày 15/10/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	108,75	-0,85	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	99,45	-1,50	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	72,55	-1,45	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	72,50	+0,20
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	53,00	+0,20

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	48,50	+0,35	334,42	+2,52
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	62,50	+0,30	387,93	+2,93
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	79,50	+2,05	548,18	-6,71

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 10/10/2018)

ĐIỂM TIN

TerraCom ký hợp đồng cung cấp than một năm từ mỏ than nhiệt Blair Athol

Công ty TerraCom của Australia đã ký kết hợp đồng cung ứng 320.000 tấn than offtake từ mỏ Blair Athol, Queensland cho một khách hàng lớn tại Hàn Quốc, theo đại diện của công ty hôm thứ 2 (8/10). TerraCom cho biết, thỏa thuận trên được thực hiện sau một số chuyến hàng thử nghiệm thành công và được thực hiện với giá cố định trong năm 2019. Hợp đồng trên được thực hiện sau khi TerraCom ký kết hợp đồng thời hạn ba năm với một khách hàng Nhật Bản, cung cấp khối lượng 1,06 triệu tấn than trong tháng trước. TerraCom cho biết thêm: “Tổng khối lượng than cam kết với khách hàng Hàn Quốc và Nhật Bản đã chiếm 55% tổng lượng than dự kiến năm của mỏ Blair Athol trong năm 2019”.

Công ty cũng công bố trong thứ 2, tính đến ngày 4/10 đã vận chuyển một triệu tấn than từ mỏ Blair Athol bằng tàu hỏa. Mỏ Blair Athol sản xuất những tấn than đầu tiên từ tháng 8/2017 sau khi TerraCom mua lại từ Rio Tinto với giá 1 AUD (0,75 USD), và đã sản xuất 724.972 tấn than thô trong giai đoạn tháng 4 đến tháng 6, mỏ đã được dự đoán sẽ sản xuất 476.000 tấn than thô trong giai đoạn tháng 7 đến tháng 9. Than sản xuất từ mỏ Blair Athol cũng được bán cho thị trường xuất khẩu thông qua cảng Dalrymple Bay Coal.

Cơ quan quản lý tại Australia yêu cầu cảng Newcastle cắt giảm phí cho Glencore

Ủy ban Cạnh tranh và Tiêu dùng Australia (ACCC) mới đây đã ra kết luận cho tranh chấp giữa Glencore và Cảng vụ Newcastle (PNO) vào thứ 2, trong đó mức phí tại cảng áp dụng cho các tàu vận chuyển than của Glencore sẽ giảm khoảng 20%, tương đương 0,61 AUD (0,43 USD) cho mỗi tấn. Về chi tiết tranh chấp, PNO đã báo cáo ACCC về việc mức phí vận chuyển than bằng tàu biển phải tăng lên 1,36 AUD/tấn. Ngược lại, Glencore cho rằng phí vận chuyển phải giảm xuống 0,41 AUD/tấn.

ACCC cho biết, PNO là đơn vị duy nhất cung cấp dịch vụ thương mại xuất khẩu than cho khu vực Hunter Valley, bang New South Wales. Một vấn đề chính trong tranh chấp là liệu PNO có thể được tính thêm phí nạo vét cho kênh vận chuyển, vốn được quản lý và cấp vốn bởi các bên sử dụng cảng. ACCC đã kết luận phải loại trừ khoản tiền trên ra khỏi phí áp dụng mà PNO có thể thu hồi và khẳng định Glencore chỉ phải trả khoản phí thấp hơn, tương đương với năm 2016. Quyết định của ACCC sẽ được áp dụng tới khi quyền khai thác kênh vận chuyển hết hạn vào ngày 7/7/2031.

Trong tháng 9, khối lượng than giao dịch phái sinh thông qua CME đạt 115 triệu tấn, giảm 21% so với năm ngoái

Khối lượng than nhiệt giao dịch phái sinh trên sàn giao dịch CME trong tháng 9 đạt 114,8 triệu tấn, tương đương với tháng trước và giảm 21% so với cùng kỳ năm ngoái, theo dữ liệu hôm thứ 5 (11/10) bởi ICE Futures Europe và sàn giao dịch điện tử globalCOAL. Hợp đồng quyền chọn chiếm 17% tổng khối lượng và đạt 19,65 triệu tấn, giảm 12% so với tháng 8 và giảm 37,5% so với tháng 9 năm ngoái, khối lượng than giao dịch thông qua hợp đồng tương lai kỳ hạn chiếm phần lượng còn lại.

Khối lượng than giao dịch theo điều kiện ICE Rotterdam chiếm 86,6% tổng khối lượng than được giao dịch trên CME trong tháng 9, đạt 99,49 triệu tấn, tăng 8% so với tháng 8 nhưng giảm 19% so với cùng kỳ năm ngoái. Khối lượng than theo hợp đồng quyền chọn Rotterdam đạt 19,2 triệu tấn, giảm 9% so với tháng 8 và giảm 35% so với năm ngoái. Khối lượng giao dịch phái sinh theo điều kiện ICE Richards Bay đạt 2,29 triệu tấn, giảm 56% so với tháng 8 và giảm 52% so với năm ngoái. Không hợp đồng quyền chọn ICE Richards Bay nào được giao dịch trong tháng 9, lần gần nhất là vào tháng 1. Khối lượng than giao dịch phái sinh theo điều kiện FOB Newcastle trong tháng 9 đạt 13 triệu tấn, giảm 23% so với tháng 8 và giảm 28% so với cùng kỳ năm ngoái, khối lượng theo hợp đồng quyền chọn đạt 450.000 tấn, giảm 64% so với tháng 8 và giảm 79% so với cùng kỳ năm ngoái.

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	10,25	+0,10
	Queensland	Nhật Bản	11,80	+0,10
	New South Wales	Hàn Quốc	12,65	+0,10
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	15,30	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	11,65	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	15,60	+0,10
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	9,80	-0,10
	Australia	Trung Quốc	15,00	+0,00
	Australia	Ấn Độ	17,00	+0,00

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 10/10/2018)